|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-BNNMT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định nội dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản**

 *Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư* *quy định nội dung công tác giám sát thi công thăm dò khoáng sản.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định chi tiết Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác giám sát thi công thăm dò khoáng sản.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đề án thăm dò khoáng sản bao gồm đề án thăm dò khoáng sản; kế hoạch thăm dò bổ sung; văn bản chấp thuận bổ sung khối lượng thăm dò được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận).

2. Giám sát thi công thăm dò là công tác trực tiếp tại thực địa được tiến hành trong quá trình thi công Đề án thăm dò khoáng sản.

**Điều 3. Nguyên tắc giám sát thi công thăm dò khoáng sản**

1. Cá nhân thực hiện công tác giám sát phải đảm bảo đúng chuyên môn đối với hạng mục giám sát.

2. Công tác giám sát thi công phải tiến hành thường xuyên và có hệ thống trong quá trình thực hiện trên cơ sở kế hoạch giám sát được lập theo tiến độ thi công thăm dò khoáng sản.

3. Hoạt động giám sát phải đảm bảo chính xác, khách quan, phản ánh đầy đủ, trung thực diễn biến quá trình thi công và không gây cản trở việc thi công thăm dò khoáng sản.

4. Trong thời gian thi công nếu có sự thay đổi về chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thì quá trình giám sát thi công phải xác nhận cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thay đổi.

5. Khuyến khích đơn vị giám sát sử dung các công cụ, thiết bị hỗ trợ, áp dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để thực hiện công tác giám sát thi công chính xác, hiệu quả, tiết kiệm.

**Điều 4. Mục đích giám sát**

1. Bảo đảm các hạng mục thăm dò khoáng sản thực hiện theo đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thi công, giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm.

2. Phát hiện những sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công để kịp thời khắc phục, xử lý nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm.

3. Đánh giá, xác nhận đúng khối lượng, chất lượng, tài liệu, mức độ khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đã hoàn thành.

**Điều 5. Cơ sở giám sát thi công thăm dò khoáng sản**

1. Đề án thăm dò khoáng sản; Giấy phép thăm dò khoáng sản; Quyết định thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép, chấp thuận.

2. Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Các quy định pháp luật liên quan đến an toàn lao động, sử dụng vật liệu nổ, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

**Điều 6. Hạng mục thăm dò phải giám sát thi công**

Các hạng mục thuộc đề án thăm dò khoáng sản phải được giám sát, bao gồm:

1. Thi công công trình thăm dò: dọn vết lộ, hố, hào, giếng, lò, khoan thăm dò địa chất, khoáng sản, khoan địa chất, khoan địa chất thủy văn - địa chất công trình); đo karota lỗ khoan.

2. Công tác lấy mẫu công nghệ; moong khai thác thử nghiệm; lấy mẫu trong các công trình khai đào, mẫu lõi khoan khoan, mẫu thể trọng lớn.

3. Công tác gia công đối với các loại mẫu gia công tại thực địa.

3. Công tác hút nước thí nghiệm; công tác khai thác thử nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

**Chương II**

**GIÁM SÁT THI CÔNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**Điều 7. Nội dung giám sát**

1. Công tác giám sát thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hố, hào, giếng, lò) phải mô tả tóm tắt được diễn biến thi công đề án tại thực địa và ghi nhận đầy đủ các nội dung chính, gồm:

a) Thiết bị thi công: ghi nhận đầy đủ chúng loại, năm sản xuất, tình trạng hoạt động, đánh giá sự phù hợp với thiết kế được phê duyệt;

b) Nhân lực thi công: nhân lực thi công được ghi nhận và đánh giá theo quy định hiện hành về định mức kỹ thuật địa chất, khoáng sản;

c) Vị trí, kích thước, khối lượng công trình: xác nhận sự phù hợp so với phê duyệt, nêu rõ nguyên nhân sai khác (nếu có);

d) Bề dày thân khoáng sản (nếu có);

đ) Các nội dung quy định tại điểm a, b, c và d phải ghi đầy đủ vào nhật ký giám sát theo Mẫu số 01 và phải lập biên bản giám sát khi kết thúc công trình theo Mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Công tác giám sát thi công công trình khoan phải mô tả tóm tắt được diễn biến quá trình thi công tại thực địa và ghi nhận đầy đủ các nội dung chính, gồm:

a) Thiết bị thi công: ghi nhận đầy đủ chúng loại, năm sản xuất, tình trạng hoạt động, đánh giá sự phù hợp với thiết kế được phê duyệt;

b) Nhân lực thi công: nhân lực thi công được ghi nhận và đánh giá theo quy định hiện hành về định mức kỹ thuật địa chất, khoáng sản;

c) Vị trí công trình: xác định sự phù hợp so với phê duyệt, nêu rõ nguyên nhân sai khác (nếu có);

d) Đường kính lỗ khoan, tỷ lệ lấy mẫu lõi khoan lấy được, khối lượng khoan, đánh giá sự sai khác so với phê duyệt, nêu rõ nguyên nhân;

đ) Xác định vách, trụ, bề dày thân khoáng sản (nếu có);

e) Các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d và đ phải ghi đầy đủ vào nhật ký giám sát theo Mẫu số 01 và phải lập biên bản giám sát khi kết thúc công trình theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công tác giám sát đo karota lỗ khoan phải mô tả, tóm tắt được diễn biến trong quá trình đo tại thực địa và ghi nhận đầy đủ các nội dung chính, gồm:

a) Thiết bị thi công: ghi nhận đầy đủ chúng loại, năm sản xuất, tình trạng hoạt động, đánh giá sự phù hợp với thiết kế được phê duyệt;

b) Nhân lực thi công: nhân lực thi công được ghi nhận và đánh giá theo quy định hiện hành về định mức kỹ thuật địa chất, khoáng sản;

c) Xác nhận về phương pháp, kỹ thuật thực hiện tại lỗ khoan, khối lượng thực hiện;

e) Các nội dung quy định tại điểm a, b và c phải ghi đầy đủ vào nhật ký giám sát theo Mẫu số 01 và phải lập biên bản giám sát khi kết thúc công trình theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Lấy mẫu công nghệ, moong khai thác thử nghiệm, lấy mẫu trong các công trình khai đào, khoan, mẫu rãnh, mẫu lõi khoan, mẫu thể trọng lớn.

a) Công tác giám sát phải lấy mẫu phải xác định được vị trí lấy mẫu, phương pháp lấy, thiết bị lấy mẫu, kích thước mẫu (đối với mẫu tại công trình khai đào, chiều dài mẫu đối với mẫu lõi khoan), trọng lượng mẫu. Trường hợp thăm dò khoáng sản sử dụng làm đá ốp lát thì việc giám sát moong khai thác thử phải ghi nhận được tỷ lệ thu hồi đá khối;

b) Nội dung ghi nhận công tác lấy từng loại mẫu tuần thủ theo quy định kỹ thuật hiện hành.

c) Các nội dung quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này được ghi đầy đủ vào nhật ký giám sát theo Mẫu số 01 và phải lập biên bản giám sát khi kết thúc công trình theo Mẫu số 06 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Gia công mẫu (đối với các loại mẫu gia công tại thực địa): ghi chép đầy đủ về trình tự, quy trình gia công; xác nhận số lượng mẫu, trọng lượng sau gia công. Các nội dung này phải ghi đầy đủ vào biên bản giám sát khi kết thúc công việc theo Mẫu số 06 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 8. Điều kiện của tổ chức, cá nhân thực hiện công tác giám sát**

1. Tổ chức thực hiện công tác giám sát thăm dò khoáng sản là các tổ chức được thành lập theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ giám sát thi công thăm dò khoáng sản.

2. Có nhân sự phụ trách giám sát theo từng nhóm khoáng sản đáp ứng được điều kiện quy định tại Điều 27 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản.

**Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được thăm dò khoáng sản**

1. Lựa chọn đơn vị thực hiện công tác giám sát thi công đề án thăm dò theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Cung cấp đầy đủ hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, chương trình, kế hoạch thi công đề án thăm dò khoáng sản cho đơn vị thực hiện giám sát.

4. Phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát lập kế hoạch giám sát theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền để tổng hợp, theo dõi.

5. Tiến hành kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận các hạng mục, khối lượng thi công để bảo đảm chất lượng và tiến độ thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

6. Thông báo kịp thời về cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi công đề án thăm dò khoáng sản.

**Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện công tác giám sát**

1. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này.

2. Lập kế hoạch giám sát thi công thăm dò theo đúng nội dung của đề án thăm dò đã được phê duyệt.

3. Bố trí nhân lực đúng chuyên môn để thực hiện công tác giám sát.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác các hạng mục, khối lượng và chất lượng đã giám sát.

5. Kịp thời phán ánh với chủ đầu tư những nội dung sai khác so với đề án được phê duyệt hoặc những vấn đề khác có liên quan.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

**Điều 11.** **Lập kế hoạch giám sát**

1. Kế hoạch giám sát thi công được lập cho từng hạng mục cụ thể, theo đề án thăm dò khoáng sản được phê duyệt.

2. Trước khi thi công chủ đầu tư nộp Kế hoạch giám sát đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền:

a) Đối với đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép nộp về Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản;

b) Đối với đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh được nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản;

3. Nội dung kế hoạch giám sát phải nêu đầy đủ các hạng mục công việc giám sát, nhân lực giám sát, thời gian giám sát, chi phí giám sát theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 12. Báo cáo giám sát**

1. Trong quá trình thi công thăm dò, chủ đầu tư phối hợp với đơn vị giám sát lập báo cáo tình hình thực hiện giám sát theo quy định về pháp luật địa chất, khoáng sản và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Kết thúc hoạt động thăm dò, đơn vị giám sát thi công thăm dò phải lập Báo cáo kết quả giám sát với đầy đủ nội dung theo quy định tại Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Báo cáo giám sát về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này để tổng hợp, quản lý.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chấm dứt hiệu lực thi hành đối với Thông tư 44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực và còn thời hạn giấy phép thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm giao thực hiện giám sát thăm dò khoáng sản.

2. Đề án thăm dò khoáng sản đã được tiếp nhận hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản, đang thực hiện thủ tục thẩm định đề án thăm dò khoáng sản nhưng chưa được thẩm định để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) trong khu vực được phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của Thông tư này.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có những vấn đề khó khăn, bất cập, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản có trách nhiệm phản ánh đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường qua Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để kịp thời giải quyết, xử lý theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp; - Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT, Cổng TTĐT BộNN&MT;- Lưu: VT, PC, ĐCKS. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Trần Quý Kiên** |

**PHỤ LỤC I**

**MẪU, BIỂU CÔNG TÁC GIÁM SÁT THI CÔNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**Mẫu số 01. Nội dung kế hoạch giám sát**

**I. Mở đầu:** nêu các cơ sở pháp lý, tên Đề án, đơn vị chủ đầu tư, khái quát nội dung Đề án (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng), Đơn vị giám sát và mục đích, nội dung giám sát.

**II. Nội dung giám sát**

- Trình bày các dạng công tác sẽ giám sát: nêu rõ tại sao phải giám sát, yêu cầu cần phải đạt được đối với công tác giám sát, nội dung giám sát;

- Lập bảng danh mục các hạng mục phải tổ chức giám sát

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các hạng mục giám sát** | **Khối lượng theo Đề án phê duyệt** | **Mục tiêu giám sát** | **Nội dung giám sát cần đạt được** | **Sản phẩm** | **Dự kiến người thực hiện giám sát** |
| 1 | Hào |   | Khối lượng, chất lượng thi công | Khối lượng thực hiện; lấy mẫu; thu thập tài liệu; an toàn lao động và các nội dung khác. | - Số giám sát;- Biên bản giám sát (từng công trình). | (ghi rõ họ, tên người thực hiện giám sát từng hạng mục công việc) |
| 2 | Khoan |   |
| 3 | Giếng |   |
| 4 | …………. | ……….. |

- Sản phẩm của công tác giám sát:

+ Nhật ký giám sát: do người giám sát ghi chép hàng ngày trong quá trình giám sát;

+ Biên bản giám sát: biên bản giám sát được lập cho từng hạng mục công việc hoặc từng công trình cụ thể.

+ Báo cáo giám sát: do đơn vị thực hiện giám sát thành lập sau khi kết thúc một kỳ giám sát (đột xuất, định kỳ, kết thúc), không kể báo cáo đột xuất, hoặc khi có yêu cầu của cấp thẩm quyền.

- Kinh phí giám sát:

**III. Tổ chức thực hiện:**

- Phân công giám sát: dự kiến nhân lực tham gia giám sát, phân công giám sát cho từng cá nhân, đối với từng hạng mục giám sát (lập bảng kèm theo);

- Thời gian giám sát: căn cứ kế hoạch thi công dự kiến thời gian thực hiện công tác giám sát.

- Kế hoạch kiểm tra giám sát:

**IV. Kết luận và kiến nghị**

Nêu những khó khăn, thuận lợi nếu thực hiện phương án này; các kiến nghị để việc giám sát khả thi, đạt yêu cầu, chất lượng theo phương án đề ra.

|  |  |
| --- | --- |
| CHỦ ĐẦU TƯ(chức danh)(Ký tên, đóng dấu) | ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT(chức danh)(Ký tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 02. Nhật ký giám sát**

1. Kích thước nhật ký: 17,5x12cm

2. Trang bìa nhật ký

|  |  |
| --- | --- |
| Trang 1 (bìa cứng) | Trang 2 |
| **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT** | **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT** |
| **NHẬT KÝ GIÁM SÁT** | **NHẬT KÝ GIÁM SÁT****Quyển số:....****Đề án: ghi đầy đủ tên đề án** |
| **NGUYỄN VĂN A****QUYỂN 1** | Họ tên người sử dụng: ……………………….Ngày bắt đầu:………………Ngày kết thúc:…………… |
| **Năm ....** | **Năm ...** |

3. Nội dung nhật ký

3.1. Phần chung ghi các nội dung

+ Mục lục ghi ngay sau trang 2;

+ Đơn vị chủ đầu tư;

+ Đơn vị thi công;

+ Lập bảng thống kê đầy đủ số hiệu từng công trình, hạng mục công việc được giám sát, ngày tháng giám sát, số trang.

3.2. Nội dung giám sát: theo từng công trình với các nội dung sau

+ Tên hoặc số hiệu công trình, hạng mục giám sát;

+ Người đại diện thi công (tổ trưởng hoặc nhóm trưởng);

+ Người theo dõi kỹ thuật;

+ Kỹ thuật thi công;

+ Nhân lực tham gia thi công;

+ Thiết bị tham gia thi công;

+ Thời gian bắt đầu thi công;

+ Trình tự và diễn biến thi công;

+ Khối lượng thực hiện;

+ Thời gian kết thúc;

+ Công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường;

+ Nhận xét (trên cơ sở đối chiếu với đề án thăm dò, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan hiện hành): công trình đạt (không đạt) yêu cầu chất lượng công tác thi công; khâu nào không đạt (thi công, lấy mẫu, thành lập tài liệu, an toàn lao động,...), nguyên nhân.

**Mẫu số 03. Biên bản giám sát khai đào**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ……./BBGS | *Địa danh, ngày …. tháng … năm ……* |

**BIÊN BẢN GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH KHAI ĐÀO**

1. Tên công trình: ghi đầy đủ tên, số hiệu.

- Đề án:

- Đơn vị chủ đầu tư:

- Đơn vị thi công:

- Chủ nhiệm dự án:

- Cán bộ giám sát (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, Cơ quan công tác):

- Cán bộ phụ trách thi công (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

2. Diễn biến thi công

- Ngày khởi công:                                 - Ngày kết thúc:

- Các diễn biến, sự cố bất thường:

3. Đánh giá chất lượng: (đạt/không đạt)

- Hồ sơ thi công;

- Nhân lực thi công;

- Thiết bị thi công;

- Sự phù hợp về vị trí thi công;

- Kích thước công trình;

- Chất lượng thi công;

- Chất lượng thu thập tài liệu;

- Khối lượng thực hiện;

- …………………………….

4. Khối lượng thực hiện:

- Khối lượng thi công (m3, m, ...) ghi theo các tiêu chí cấp đất đá, độ sâu, mức độ phức tạp,...:

- Khối lượng lấy mẫu các loại:

- Các khối lượng khác (lấp công trình, hoàn thổ môi trường,...)

5. Đánh giá chung: công trình đạt (không đạt) mục tiêu đề ra ban đầu, chất lượng thi công đạt (không đạt) yêu cầu; nguyên nhân.

6. Kết luận và kiến nghị:

……………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Người đại diệnTổ chức thi công***(Ký, họ tên)* | **Người đại diệnChủ đầu tư***(Ký, họ tên)* | **Cán bộ giám sát***(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 04. Biên bản giám sát công trình khoan**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ………/BBGS | *Địa danh, ngày … tháng … năm …..* |

**BIÊN BẢN GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH KHOAN**

1. Tên công trình: ghi đầy đủ tên, số hiệu.

- Đề án:

- Đơn vị chủ đầu tư:

- Đơn vị thi công:

- Chủ nhiệm dự án:

- Cán bộ giám sát (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, Cơ quan công tác):

- Cán bộ phụ trách thi công (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

2. Diễn biến thi công

- Ngày khởi công:                                 - Ngày kết thúc:

- Các diễn biến, sự cố bất thường:

3. Đánh giá chất lượng: (đạt/chưa đạt/không đạt)

- Hồ sơ thi công;

- Nhân lực thi công;

- Thiết bị thi công;

- Sự phù hợp về vị trí thi công;

- Tỷ lệ mẫu lõi khoan;

- Chiều sâu vách, trụ quặng;

- Khối lượng thi công;

- ……………………….

4. Khối lượng thực hiện:

- Khối lượng thi công (m) ghi theo các tiêu chí cấp đất đá, độ sâu,

- Khối lượng mẫu khoan (m, khay mẫu); Chất lượng lấy mẫu khoan,

- Khối lượng đo karota (thiết bị, nhân lực, phương pháp, khối lượng...),

- Công tác bơm hút thí nghiệm (thiết bị, nhân lực, thời gian, khối lượng),

- Các khối lượng khác (lấp công trình, công tác xây mốc, hoàn thổ môi trường,...).

5. Đánh giá chung: công trình đạt (không đạt) mục tiêu đề ra ban đầu, chất lượng thi công đạt (không đạt) yêu cầu; nguyên nhân.

6. Kết luận và kiến nghị:

…………………………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Người đại diệnTổ chức thi công***(Ký, họ tên)* | **Người đại diệnChủ đầu tư***(Ký, họ tên)* | **Cán bộ giám sát***(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 05. Biên bản giám sát công tác đo địa vật lý lỗ khoan**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ………/BBGS | *Địa danh, ngày … tháng … năm …..* |

**BIÊN BẢN GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐO ĐỊA VẬT LÝ LỖ KHOAN**

1. Tên công trình: ghi đầy đủ tên, số hiệu.

- Đề án:

- Đơn vị chủ đầu tư:

- Đơn vị thi công:

- Chủ nhiệm dự án:

- Cán bộ giám sát (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, Cơ quan công tác):

- Cán bộ phụ trách thi công (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

2. Diễn biến thi công

- Ngày bắt đầu:                                 - Ngày kết thúc:

- Tên máy móc, thiết bị:

- Phương pháp đo:

- Bước đo:

- Các diễn biến, sự cố bất thường:

3. Khối lượng thực hiện:

4. Đánh giá chất lượng: (đạt/chưa đạt/không đạt)

- Hồ sơ thi công:

- Nhân lực thi công:

- Thiết bị thi công:

- Sự phù hợp so với chiều sâu lỗ khoan;

- Khối lượng thi công;

- ……………………….

5. Đánh giá chung: công trình đạt (không đạt) mục tiêu đề ra ban đầu, chất lượng thi công đạt (không đạt) yêu cầu; nguyên nhân.

6. Kết luận và kiến nghị:

…………………………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Người đại diệnTổ chức thi công***(Ký, họ tên)* | **Người đại diệnChủ đầu tư***(Ký, họ tên)* | **Cán bộ giám sát***(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 06. Biên bản giám sát công tác lấy mẫu, gia công mẫu**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ………/BBGS | *Địa danh, ngày … tháng … năm …..* |

**BIÊN BẢN GIÁM SÁT CÔNG TÁC LẤY, GIA CÔNG MẪU**

1. Tên hạng mục: công tác lấy mẫu  ……………

- Đề án:

- Đơn vị chủ đầu tư:

- Đơn vị thi công:

- Chủ nhiệm dự án:

- Cán bộ giám sát (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, Cơ quan công tác):

- Cán bộ phụ trách thi công (ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

2. Diễn biến thi công

- Ngày khởi công:                                 - Ngày kết thúc:

- Các diễn biến, sự cố bất thường:

3. Đánh giá chất lượng: (đạt/không đạt)

- Nhân lực;

- Thiết bị;

- Phương pháp;

- Vị trí lấy mẫu;

- Kích thước mẫu;

- Trọng lượng mẫu trước, sau gia công;

- Trình tự, quy trình gia công mẫu;

- …………………………………….

4. Khối lượng thực hiện:

- Khối lượng (mẫu);

- Hồ sơ mẫu (quyển);

5. Đánh giá chung: khối lượng thực hiện đạt (không đạt) mục tiêu đề ra ban đầu, chất lượng thi công đạt (không đạt) yêu cầu; nguyên nhân.

6. Kết luận và kiến nghị:

……………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Người đại diệnTổ chức thi công***(Ký, họ tên)* | **Người đại diệnChủ đầu tư***(Ký, họ tên)* | **Cán bộ giám sát***(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 07. Báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản**

|  |
| --- |
| **(Tên tổ chức lập báo có giám sát)**---------------**BÁO CÁO****KẾT QUẢ GIÁM SÁT**(Tên đề án thăm dò khoáng sản ... xã ... huyện ... tỉnh ...)**Địa danh nơi lập báo cáo, Năm 20 …** |
| (**Tên tổ chức lập báo giám sát)---------------****BÁO CÁO****KẾT QUẢ GIÁM SÁT**(tên đề án thăm dò khoáng sản ... xã ... huyện ... tỉnh ...)

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT(Chức danh) |
|  | *Chữ ký, đóng dấu****(Họ và tên)*** |

**Địa danh nơi lập báo cáo, Năm 20 …** |

**NỘI DUNG KẾT QUẢ GIÁM SÁT (KỲ, BƯỚC), NĂM…..**

**Mở đầu:**

- Cơ sở pháp lý, mục tiêu, nhiệm vụ của đề án.

- Tổ chức và thời gian thực hiện.

**Chương I. KHÁI QUÁT CHUNG**

1. Khái quát về vùng nghiên cứu, tình hình thực hiện công việc, những thuận lợi khó khăn trong quá trình thi công.

2. Đánh giá về năng lực, nhân lực và thiết bị thi công.

3. Đánh giá về tuần tự thi công các phương pháp thăm dò, trình tự thi công các hạng mục được giám sát.

**Chương II. KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT**

 1. Khối lượng thực hiện và kết quả giám sát đối với từng hạng mục công việc của đơn vị thi công thực hiện. Đánh giá về tiến độ, khối lượng thực hiện, chất lượng thi công, khối lượng tài liệu thu thập, chất lượng tài liệu thu thập của từng hạng mục công việc nêu trên theo quy định của đề án và các quy chế, quy phạm hiện hành.

 Lập bảng tổng hợp khối lượng các hạng mục công việc đã giám sát, có danh mục kèm theo ghi rõ những hạng mục, khối lượng đạt yêu cầu chất lượng; những hạng mục, công trình, khối lượng thi công không đạt yêu cầu chất lượng (nguyên nhân).

 2. Đánh giá công tác đảm bảo an toàn lao động trong thi công.

 3. Đánh giá công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trong và sau thi công.

 4. Đánh giá sự sai khác so với đề án, nguyên nhân.

 5. Đánh giá kết quả giám sát (Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát, tổ trưởng tổ giám sát tự đánh giá về kết quả giám sát, tính trung thực, khách quan và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả giám sát).

 **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

 - Đánh giá chung về kết quả đạt được.

 - Kiến nghị về các vấn đề còn tồn tại.

 **HỒ SƠ KÈM THEO**

 1. Nhật ký giám sát, các tài liệu thu thập trong quá trình giám sát (ảnh);

 2. Biên bản giám sát;

 3. Báo cáo giám sát các kỳ, đợt...;

 4. Các văn bản pháp lý; các văn bản kiểm tra của cơ quan quản lý;

 5. Hồ sơ lý lịch các thành viên giám sát;